

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1664/2025/DS-PT
Ngày: 24/12/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Hồng Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1125/DS-PT ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân là Khu vực 6, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1752/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22109/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Trọng N;

Địa chỉ: A Đường số E, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của ông Trương Trọng Nghĩa L ông Trương Minh Cát N1, ông Nguyễn Ngọc T. (Văn bản ủy quyền ngày 22/7/2024).

Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B;

Địa chỉ: Số I T, Phường N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Cổ phần B là các ông

Nguyễn Ngọc L1 và ông Hồ Đình Q (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Trọng N do ông Nguyễn Ngọc T đại diện trình bày:

Công ty TNHH M có ký Hợp đồng bảo hiểm số: 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với Tổng Công ty Cổ phần B để mua bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho nhân viên và người thân của nhân viên, với các thông tin như sau:

- Thời hạn bảo hiểm: 01 năm từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 (bao gồm cả hai ngày biên).

- Phạm vi bảo hiểm: hợp đồng bảo hiểm này bảo hiểm cho các trường hợp tử vong, thương tật vĩnh viễn, trợ cấp lương trong thời gian điều trị và các chi phí y tế của người được bảo hiểm do tai nạn hay bệnh tật gây ra bởi các rủi ro không bị loại trừ tại các điều khoản của hợp đồng và các điều khoản sửa đổi bổ sung theo hợp đồng.

- Điểm loại trừ được quy định tại Chương III – ĐIỂM LOẠI TRỪ của Quy tắc bảo hiểm tai nạn:

“...

3. Người được bảo hiểm cố ý vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của Pháp luật Việt Nam.”

Vợ của ông Trương Trọng Nghĩa L nhân viên của Công ty TNHH M và là người có tên trong danh sách người được bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số: 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 (căn cứ phụ lục 6 hợp đồng), bà Đỗ Thị Diệu H có thông tin nhân thân như sau:

Đỗ Thị Diệu H, sinh ngày: 18/10/1972; CCCD số: 049 172 000 411; Cấp ngày: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục C.

Ngày 15/3/2024 bà Đỗ Thị Diệu H chết do tai nạn giao thông (căn cứ: Trích lục khai tử số: 19/TLKT ngày 25/3/2024 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Căn cứ Điều kiện A – Tử vong và thương tật vĩnh viễn do tai nạn của Hợp đồng bảo hiểm quy định: *“Trong trường hợp Tử vong hay Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn: thanh toán 100% Số tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm.”*

Sau khi bà Đỗ Thị Diệu H bị tai nạn chết ông Trương Trọng N đã lập giấy yêu cầu bồi thường gửi đến Tổng Công ty Cổ phần B để yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm như thỏa thuận trong Hợp đồng.

Ngày 26/8/2024, Tổng Công ty Cổ phần B căn cứ điểm loại trừ của Quy tắc bảo hiểm tai nạn nêu trên đã ra thông Báo về việc giải quyết bồi thường cho hồ sơ của bà Đỗ Thị Diệu H với nội dung:

“tại thời điểm tham gia giao thông ngày 15/3/2024, bà Đỗ Thị Diệu H đã không tuân thủ và đã đi vào đường dành riêng cho xe Ô tô dẫn đến va chạm với xe ô tô, hậu quả làm bà Đỗ Thị Diệu H tử vong sau đó. Chúng tôi cho rằng tổn thất của bà Đỗ Thị Diệu H thuộc điểm loại trừ trong quy tắc đính kèm HĐBH.”

Ông Trương Trọng N không đồng ý với nội dung từ chối nêu trên nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Cổ phần B trả cho ông N các khoản sau: Số tiền bảo hiểm là 870.000.000 đồng; T1 lãi chậm trả là 79.750.000 đồng

Theo nội dung đơn tại bản tự khai, biên bản hòa giải Bị đơn trình bày:

Ngày 28/12/2023, Tổng Công ty Cổ phần B ký Hợp đồng bảo hiểm tai nạn và sức khỏe số 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 với Công ty TNHH M (Hợp đồng bảo hiểm nhóm) với các nội dung cơ bản như sau:

Thời hạn bảo hiểm: 01 năm từ 01/01/2024 – 31/12/2024 (bao gồm cả 02 ngày này).

+ Số người được bảo hiểm: 52 nhân viên và 85 người thân.

+ NĐBH trong vụ việc: Bà Đỗ Thị Diệu H, nhân viên Bộ phận kế toán.

+ Quyền lợi bảo hiểm: Trường hợp tử vong do tai nạn: Thanh toán 100% số tiền bảo hiểm là 870.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết bồi thường

Thời gian và nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm

Căn cứ theo kết quả trưng cầu nguyên nhân tai nạn giao thông của Cơ quan CSĐT Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận:

Nguyên nhân tai nạn: “Ngày 15/03/2024, ông Nguyễn Quốc V điều khiển xe BKS số 59E-135.83 lưu thông trên đường không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, xử lý kém để xe đâm vào xe mô tô BKS 52Z7-6564 do bà Đỗ Thị Diệu H điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều làm cho bà Đỗ Thị Diệu H bị ngã, đã vi phạm Điều 13 Luật giao thông đường bộ 2008. Bà Đỗ Thị Diệu H có lỗi điều khiển xe mô

tô BKS 52Z7-6564 lưu thông không đúng làn đường, lưu thông ở làn đường dành cho xe ô tô. Hành vi lưu thông không đúng làn đường của bà Đỗ Thị Diệu H đã vi phạm điều 13 Luật giao thông đường bộ 2008”. Hậu quả: Bà Đỗ Thị Diệu H tử vong tại hiện trường.

Việc giải quyết bồi thường của Tổng Công ty Cổ phần B:

Ngày 09/04/2024, ông Trương Trọng N (Chồng của bà Đỗ Thị Diệu H) đã có giấy yêu cầu bồi thường gửi Tổng Công ty Cổ phần B.

Ngày 25/07/2024, Công ty Cổ phần D1 theo ủy quyền của ông N đã gửi email và Công văn số 02/2024/YC/TCBH-TILA/01 đến Tổng Công ty Cổ phần B yêu cầu giải quyết bồi thường khi cho rằng cơ quan chức năng không kết luận bà Đỗ Thị Diệu H có hành vi cố ý vi phạm pháp luật.

Ngày 26/08/2024, Tổng Công ty Cổ phần B phát hành Thông Báo số 2608/TB-PTI-TTBT BHCN gửi gia đình bà Đỗ Thị Diệu H về việc giải quyết bồi thường cho hồ sơ của bà Đỗ Thị Diệu H với nội dung:

Căn cứ theo kết quả trưng cầu nguyên nhân vụ tai nạn giao thông của Cơ quan CSĐT Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đỗ Thị Diệu H có lỗi điều khiển xe mô tô lưu thông không đúng làn đường vi phạm Điều 13 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Căn cứ điểm loại trừ trong quy tắc đính kèm HĐBH: NĐBH cố ý vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Bà Đỗ Thị Diệu H có bằng lái xe, đã học các quy định về luật an toàn giao thông đường bộ. Vì vậy, bà Đỗ Thị Diệu H phải có trách nhiệm nắm vững các quy định pháp luật về an toàn giao thông, có hiểu biết về các quy tắc lưu thông trên đường, hiểu được thế nào là làn đường dành cho xe ô tô, làn đường dành cho xe máy. Bà Đỗ Thị Diệu H đã không tuân thủ quy định pháp luật và đã đi vào đường dành cho xe ô tô dẫn đến va chạm với ô tô gây tử vong. Tổng Công ty Cổ phần B cho rằng tổn thất của bà Đỗ Thị Diệu H thuộc điểm loại trừ trong quy tắc bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần B.

Ý kiến và đề nghị của Tổng Công ty Cổ phần B.

Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn là ông Trương Trọng N cho rằng “Bà Đỗ Thị Diệu H không cố ý vi phạm pháp luật như kết luận của Tổng Công ty Cổ phần B; Điều khoản loại trừ không rõ ràng làm cho các bên có cách hiểu khác nhau về ý

nghĩa cụm từ “*người được bảo hiểm cố ý vi phạm pháp luật*”; Tổng Công ty Cổ phần B không được áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, không đồng ý việc Tổng Công ty Cổ phần B từ chối bồi thường và yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường tổng số tiền là 1.044.000.000 đồng. Tổng Công ty Cổ phần B hoàn toàn không đồng ý với những ý kiến và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, bởi lý do như sau:

Nguyên đơn cho rằng bà Đỗ Thị Diệu H không cố ý vi phạm pháp luật như kết luận của Tổng Công ty Cổ phần B. Căn cứ vào việc Cơ quan chức năng không có bất kỳ kết luận thể hiện bà Đỗ Thị Diệu H cố ý vi phạm pháp luật. Căn cứ kết quả trưng cầu nguyên nhân vụ tai nạn giao thông: Bà Đỗ Thị Diệu H có lỗi điều khiển xe mô tô lưu thông không đúng làn đường, vi phạm Điều 13 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Tổng Công ty Cổ phần B xác định “*hành vi lưu thông không đúng làn đường, lưu thông ở làn đường dành cho xe ô tô*” của bà Đỗ Thị Diệu H là lỗi cố ý là có căn cứ và hợp lý. Bởi những lý do sau:

+ *Thứ nhất*, bà Đỗ Thị Diệu H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được cấp Giấy phép lái xe số L206056 (*Hạng: A1*). Như vậy, bà Đỗ Thị Diệu H đã được đào tạo sát hạch lái xe, học các quy định pháp luật, quy tắc khi tham gia giao thông đường bộ. Theo đó, căn cứ Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ G, để đủ điều kiện được cấp Giấy phép lái xe, bà Đỗ Thị Diệu H đã được đào tạo Pháp luật giao thông đường bộ, hiểu và nắm vững việc phải tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông, điều khiển xe đúng luật và vượt qua kỳ thi sát hạch bằng lái xe mới đáp ứng đủ điều kiện được cấp giấy phép lái xe. Về quy tắc tham gia giao thông, *khi tham gia giao thông phải đi đúng làn của mình* được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Ngoài ra, căn cứ Khoản 4, Khoản 5, Điều 4 và Khoản 23, Điều 8; Điều 13 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động giao thông đường bộ

4. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Người tham gia giao thông phải có ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác. Chủ phương tiện

và người điều khiển phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm an toàn của phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Điều 13. Sử dụng làn đường

1. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước và phải bảo đảm an toàn.

2. Trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.

3. Phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải.”

Với hành vi lái xe đi không đúng làn đường với người đã có bằng lái xe và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thể nhận định là không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và gây nguy hiểm cho xã hội khi có hành vi như vậy. Bà Đỗ Thị Diệu H hoàn toàn có thể thấy trước và nhận thức được hậu quả của hành vi của mình có thể gây ra (có thể gây tai nạn, va chạm và gây mất an toàn cho những phương tiện giao thông khác cùng lưu thông trên đường...) và biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, tuy không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng vẫn thực hiện hành vi vi phạm là hành vi cố ý.

+ Thứ hai, bà Đỗ Thị Diệu H điều khiển xe đi sai làn đường, đi vào làn đường dành cho xe ô tô trong khi không có bất kỳ sự kiện trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nào xảy ra buộc bà Đỗ Thị Diệu H phải xử lý tình huống như vậy thay vì lựa chọn khác là hành vi vi phạm nghiêm trọng luật giao thông đường bộ gây nguy hiểm cho chính mình và các phương tiện khác khi lưu thông trên đường. Hành vi này được coi là cố ý vì bà Đỗ Thị Diệu H đã hiểu rõ là không được vi phạm mà vẫn chủ động và quyết định thực hiện hành vi vi phạm, không phải chỉ xác định cố ý khi biết chắc chắn vi phạm gây tai nạn dẫn đến thiệt mạng mà vẫn thực hiện mới là cố ý, vì như vậy thì chỉ có hành vi tự tử mới được xem là cố ý khi vi phạm luật giao thông đường bộ.

+ Thứ ba, Nguyên tắc của bảo hiểm là bảo hiểm cho các hành vi bất ngờ và không thể lường trước được nên các hành vi vi phạm pháp luật luôn sẽ là nguy cơ rủi ro cao và có thể lường trước thiệt hại xảy ra nên sẽ bị từ chối.

Khoản 5, Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 có quy định:

“Điều 16. Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm

5. Nguyên tắc rủi ro ngẫu nhiên: Rủi ro được bảo hiểm phải là những rủi ro bất ngờ, không lường trước được.”

Vì vậy, việc Tổng Công ty Cổ phần B nhận định bà Đỗ Thị Diệu H cố ý vi phạm pháp luật và áp dụng điểm loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN ngày 26/09/2012 là phù hợp với hồ sơ vụ việc, nguyên tắc của bảo hiểm.

Điều khoản loại trừ trách nhiệm không rõ ràng, làm cho các bên có cách hiểu khác nhau về ý nghĩa cụm từ *“người được bảo hiểm cố ý vi phạm pháp luật”*. Điều khoản loại trừ của Tổng Công ty Cổ phần B đã rõ ràng và dễ để hiểu rằng Tổng Công ty Cổ phần B sẽ từ chối bồi thường đối với những hành vi vi phạm pháp luật mà người được bảo hiểm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

Tổng Công ty Cổ phần B không được áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm do chưa giải thích rõ ràng, đầy đủ điều khoản loại trừ bảo hiểm cho Công ty TNHH M.

Hợp đồng bảo hiểm này được cấp thông qua Công ty TNHH M1 (viết tắt WTW), Công ty M1 đã tư vấn, giải thích và cung cấp Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm cho Công ty TNHH M. Hợp đồng bảo hiểm đã quy định rõ về điểm loại trừ là theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn con người Tổng Công ty Cổ phần B ban hành theo Quyết định số 270/QĐ-PTI-BHCN ngày 26/09/2012 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B.

Quá trình tham gia bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần B (từ năm 2020), bà Đỗ Thị Diệu H cũng đã nhiều lần thực hiện hồ sơ yêu cầu bồi thường, trong đó có những danh mục yêu cầu đã bị Tổng Công ty Cổ phần B từ chối bồi thường. Sau đó, bà Đỗ Thị Diệu H cũng không có ý kiến nào khác, chứng tỏ rằng bà Đỗ Thị Diệu H đã nắm được các điều khoản loại trừ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần B.

Nguyên đơn cho rằng Hợp đồng bảo hiểm số 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 là Hợp đồng mẫu, do đó, Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản và không được áp dụng điều khoản loại trừ khi giải quyết bồi thường cho bà Đỗ Thị Diệu H. Hợp đồng bảo hiểm này không phải Hợp đồng mẫu, bởi vì:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 405 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Điều 405. Hợp đồng theo mẫu

1. Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.

Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng.

Trình tự, thể thức công khai hợp đồng theo mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, Hợp đồng được coi là Hợp đồng theo mẫu khi bên cung cấp dịch vụ đưa ra Hợp đồng và khách hàng chỉ được chấp nhận hoặc từ chối giao kết Hợp đồng; không có sự đàm phán, sửa đổi, bổ sung về nội dung, điều khoản của Hợp đồng.

Công ty TNHH M chỉ định WTW là công ty M1 bảo hiểm làm việc với Tổng Công ty Cổ phần B, theo đó, WTW có trách nhiệm cung cấp thông tin, tư vấn cho Công ty M về sản phẩm bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm và các công việc liên quan đến việc đàm phán, thu xếp và thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty M. Quá trình cấp Hợp đồng, WTW đã nhiều lần làm việc với Tổng Công ty Cổ phần B để đàm phán điều khoản bảo hiểm, mức phí ... nhằm đảm bảo quyền lợi của bên mua bảo hiểm là Công ty M. Bà Đỗ Thị Diệu H là nhân viên của Công ty M cho nên được hưởng chế độ bảo hiểm theo gói bảo hiểm công ty mua cho người lao động. Công ty M sẽ có trách nhiệm trao đổi, thống nhất và phổ biến quyền lợi, chế độ bảo hiểm cho người lao động là bà Đỗ Thị Diệu H.

Về số tiền yêu cầu bồi thường của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B trả lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm trên số tiền bảo hiểm 870.000.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyên đơn đang yêu cầu thời hạn tạm tính lãi là 02 năm kể từ ngày 26/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 79.750.000 đồng là không có cơ sở.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Tổng Công ty Cổ phần B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân là Khu vực 6, quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ông Trương Trọng N:

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán cho ông Trương Trọng N số tiền: 870.000.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Trọng N về việc buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền lãi 79.750.000 đồng.

2. Kể từ ngày Ông Trương Trọng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Tổng Công ty Cổ phần B chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, ông Nguyễn Ngọc T đại diện ông N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty B1 thanh toán tiền lãi là 79.750.000 đồng.

Ngày 11/8/2025, Tổng Công ty B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của ông T và ông Nguyễn đại D ông N: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Tổng Công ty B thanh toán tiền lãi 10%/ năm tính từ Tổng Công ty Cổ phần B phát hành Thông Báo số 2608/TB-PTI-TTBT BHCN ngày 26/08/2024 về việc giải quyết bồi thường đến ngày xét xử sơ thẩm là 79.750.000 đồng.

- Ý kiến của ông L1 và ông Q đại diện Công ty B1: Bà H điều khiển xe mô tô đi vào làn đường dành cho xe ô tô dẫn đến va chạm giao thông, hậu quả bà H tử vong. Trường hợp này thuộc điểm loại trừ trong quy tắc đình kèm HDBH”. Đó là cố ý vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và Tổng Công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B chi trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty TNHH M có ký Hợp đồng bảo hiểm số: 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với Tổng Công ty Cổ phần B để mua bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho nhân viên và người thân của nhân viên, với các thông tin như sau:

Thời hạn bảo hiểm: 01 năm từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 (bao gồm cả hai ngày biên).

Phạm vi bảo hiểm: hợp đồng bảo hiểm này bảo hiểm cho các trường hợp tử vong, thương tật vĩnh viễn, trợ cấp lương trong thời gian điều trị và các chi phí y tế của người được bảo hiểm do tai nạn hay bệnh tật gây ra bởi các rủi ro không bị loại trừ tại các điều khoản của Hợp đồng và các điều khoản sửa đổi bổ sung theo hợp đồng.

Bà Đỗ Thị Diệu H là nhân viên của Công ty TNHH M và là người có tên trong danh sách người được bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số: 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 (căn cứ phụ lục 6 hợp đồng), bà có thông tin nhân thân như sau: Đỗ Thị Diệu H, sinh ngày: 18/10/1972; CCCD số: 049 172 000 411; Cấp ngày: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục C.

Ngày 15/03/2024, ông Nguyễn Quốc V điều khiển xe BKS số 59E-135.83 lưu thông trên đường không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, xử lý kém để xe đâm vào xe mô tô BKS 52Z7-6564 do bà Đỗ Thị Diệu H điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều làm cho bà Đỗ Thị Diệu H bị ngã, tử vong tại hiện trường (Trích lục khai tử số: 19/TLKT ngày 25/3/2024 của Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo Kết luận của cơ quan Công an Quận 1 Thành phố Q1 “Ngày 15/3/2024, ông Nguyễn Quốc V điều khiển xe BKS số 59E-135.83 lưu thông trên đường không

chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, xử lý kém để xe đâm vào xe mô tô BKS 52Z7-6564 do bà Đỗ Thị Diệu H điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều làm cho bà Đỗ Thị Diệu H bị ngã, tử vong tại hiện trường.

Sau khi bà Đỗ Thị Diệu H bị tai nạn chết ông Trương Trọng N đã lập giấy yêu cầu bồi thường gửi đến Tổng Công ty Cổ phần B để yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm như thỏa thuận trong Hợp đồng. Căn cứ Điều kiện A – Tử vong và thương tật vĩnh viễn do tai nạn của Hợp đồng bảo hiểm quy định: *“Trong trường hợp Tử vong hay Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn: Thanh toán 100% Số tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm.”*

Ngày 26/8/2024, Tổng Công ty Cổ phần B căn cứ điểm loại trừ của Quy tắc bảo hiểm tai nạn nêu trên đã ra thông Báo số: 2608/TB-PTI-TTBT BHCN thông Báo về việc giải quyết bồi thường cho hồ sơ của bà Đỗ Thị Diệu H với nội dung: “tại thời điểm tham gia giao thông ngày 15/3/2024, bà Đỗ Thị Diệu H đã không tuân thủ và đã đi vào đường dành riêng cho xe ô tô dẫn đến va chạm với xe ô tô, hậu quả làm bà Đỗ Thị Diệu H tử vong sau đó. Trường hợp của bà Đỗ Thị Diệu H thuộc điểm loại trừ trong quy tắc đính kèm HDBH”. Đó là cố ý vi phạm pháp luật.

Xét thấy, Điều khoản loại trừ trong hợp đồng chỉ áp dụng khi người được bảo hiểm cố ý vi phạm pháp luật. Tổng Công ty Cổ phần B không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà Đỗ Thị Diệu H điều khiển xe mô tô lưu thông vào đường dành riêng cho xe ô tô dẫn đến tai nạn, hậu quả bà H tử vong là cố ý, đây chỉ có thể là lỗi vô ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tổng Công ty Cổ phần B từ chối bồi thường là không phù hợp, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người thụ hưởng.

Hợp đồng bảo hiểm số 0000021/HD/020/CN.4.5/000-2/2024/WTW01 do Công ty M ký với Tổng Công ty Cổ phần B là hợp đồng bảo hiểm áp dụng cho nhân viên và người thân của nhân viên, với quy tắc, điều khoản do doanh nghiệp bảo hiểm soạn sẵn. Về bản chất, đây là hợp đồng theo mẫu theo khoản 1 Điều 405 Bộ luật Dân sự 2015, do một bên là (doanh nghiệp bảo hiểm) soạn sẵn nội dung và bên kia Công ty M2 được bảo hiểm chỉ việc chấp nhận.

Theo nguyên tắc khi giao kết hợp đồng bảo hiểm được quy định tại Điều 21, Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 (sửa đổi 2010) và Điều 405, Điều 406 Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp điều khoản hợp đồng không rõ ràng hoặc có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau thì phải giải thích theo hướng có lợi cho bên yếu thế, tức là người được bảo hiểm/thụ hưởng bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần B cho rằng hợp đồng bảo hiểm không phải hợp đồng mẫu và bà Đỗ Thị Diệu H có lỗi khi đi vào làn đường dành riêng cho ô tô để từ chối chi trả là không phù hợp với nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Bồi lẽ: Người được bảo hiểm không phải là bên soạn thảo hợp đồng, không có khả năng thương lượng về các điều khoản loại trừ. Điều khoản loại trừ chỉ áp dụng khi có lỗi cố ý, trong khi Tổng Công ty Cổ phần B không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Đỗ Thị Diệu H cố ý vi phạm pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Công ty Cổ phần B chi trả tiền bảo hiểm cho ông Trương Trọng N với số tiền 870.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu trả tiền lãi:

Trong Hợp đồng bảo hiểm không có thỏa thuận về việc thanh toán tiền lãi phát sinh và các bên đều thừa nhận không có việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Trọng N và Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Trọng N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điều 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 và Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Trọng N và Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trương Trọng N:

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán cho ông Trương Trọng N số tiền 870.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Trọng N về việc buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền lãi là 79.750.000 đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án của ông N cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng Tổng Công ty Cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Trương Trọng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.975.000 đồng, trừ vào số tiền 21.660.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0056166 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, hoàn lại cho ông N số tiền 17.685.000 đồng.

Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 38.100.000 đồng.

Ông Trương Trọng N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009114 ngày 14/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009587 ngày 18/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Cổ phần B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP HCM;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDTPHCM;

- TAND Khu vực 6;

- Phòng THADS Khu vực 6;

- Các đương sự (để thi hành);

- Lưu HSVA.

Uông Văn Tuấn